

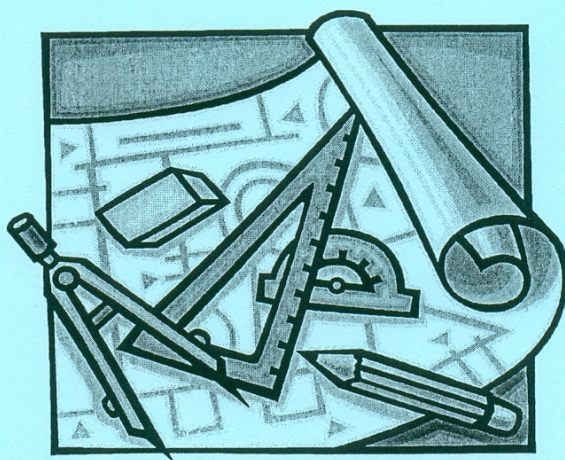
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương



DỰ ÁN ĐẦU TƯ

**“XÂY DỰNG PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT
VIÊN NANG MỀM ĐẠT TIÊU CHUẨN
GMP - WHO”**



Chủ đầu tư : Công ty CP Dược Becamex

DỰ ÁN ĐẦU TƯ “ XÂY DỰNG PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT VIÊN NANG MỀM ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP- WHO”

Dự án xây dựng phân xưởng nang mềm trong nhà máy Dược BECAMEX đạt tiêu chuẩn “ Thực hành tốt sản xuất thuốc “ Theo tiêu chuẩn của tổ chức y tế thế giới (GMP-WHO) , phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn “ Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc “(GLP) , kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn “ Thực hành tốt bảo quản thuốc “ (GSP)

DỰ ÁN BAO GỒM:

Xây dựng phân xưởng sản xuất viên nang mềm

Địa điểm thực hiện dự án:

Khu công nghiệp Mỹ Phước II , Huyện Bến Cát , Tỉnh Bình Dương

Diện tích khu đất :trong khu đất 40.000 m² , phân xưởng sản xuất viên nang mềm nằm trong nhà máy sản xuất dược phẩm Becamex đã được công nhận đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

PHẦN II:
NHỮNG CĂN CỨ &
SỰ CẦN THIẾT ĐỂ LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

II.1.CĂN CỨ PHÁP LÝ:

II.1.1 Chính sách quốc gia về sản xuất thuốc:

- Thủ Tướng chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển ngành Dược Việt Nam của Bộ Y Tế đã cấp bằng quyết định số 108/2002/QĐ-TTg ngày 15/08/2002.
- Quyết định số 3886/2004/QĐ – BYT của bộ trưởng Bộ Y Tế về việc triển khai áp dụng nguyên tắc , tiêu chuẩn “ Thực hành tốt sản xuất thuốc” theo khuyến cáo của tổ chức y tế thế giới (GMP- WHO)

II.1.2 Những quan tâm của chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương về ngành Dược:

Tỉnh Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam , chủ trương của lãnh đạo tỉnh về các giải pháp thực hiện mục tiêu phát triển công nghiệp của tỉnh Bình Dương được thể hiện rõ trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội như sau: “ Tập trung đẩy mạnh đầu tư và phát triển sản xuất đối với các ngành công nghiệp có lợi thế , có sức cạnh tranh , có thị trường tiêu thụ , có tác động tích cực đến việc nâng cao hiệu quả sản xuất và trình độ công nghiệp của tỉnh .Định hướng khuyến khích và ưu tiên đầu tư gắn với địa bàn công nghiệp tập trung phía Nam của tỉnh , phát triển các cơ sở công nghiệp quy mô vừa và lớn , các ngành công nghiệp có kỹ thuật cao như công nghiệp cơ khí , công nghiệp điện tử , công nghiệp Dược ...”

II.2.SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐẦU TƯ:

II.2.1 Phát triển ngành Dược thành một ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa,việc hội nhập khu vực và thế giới nhằm mục đích cạnh tranh và đảm bảo việc cung ứng thuốc chữa bệnh đầy đủ thường xuyên và có chất lượng,bảo đảm cho việc sử dụng thuốc hợp lý và an toàn ,phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân....là chủ trương lớn của Đảng,nhà nước và ngành y tế cũng như đòi hỏi tất yếu khách quan.

II.2.2 Sản xuất và phân phối là 2 lĩnh vực gắn bó tác động qua lại và hỗ trợ nhau.Do vậy,để có thể tồn tại và phát triển vững chắc,chủ động hơn về nguồn hàng phân phối,đủ sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập...việc đầu tư phân xưởng sản xuất viên nang mềm đạt tiêu chuẩn GMP – WHO nhằm có cơ sở để thương lượng đàm phán, sản xuất các mặt hàng nhượng quyền khác và hàng thay thế nhập khẩu ...đó là vấn đề cấp thiết đặt ra với việc đầu tư của công ty CP Dược Becamex .

Vì những vấn đề nêu trên,việc đầu tư xây dựng một phân xưởng sản xuất viên nang mềm tại nhà máy dược Becamex đạt tiêu chuẩn GMP – WHO là điều tất yếu.

PHẦN III:

LỰA CHỌN HÌNH THỨC ĐẦU TƯ &
PHƯƠNG ÁN SẢN PHẨM

III.1.LỰA CHỌN HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

III.1.1.Lựa chọn hình thức đầu tư:

a) Để hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, ngành Dược Việt Nam đã có chủ trương hiện đại hóa công nghiệp sản xuất thuốc nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để có thể cạnh tranh trên thị trường. Việc xây dựng phân xưởng sản xuất viên nang mềm đạt tiêu chuẩn GMP – WHO là một phần trong việc thực hiện chủ trương này.

b) Kế thừa và phát huy thành quả hoạt động của công ty Dược & Vật tư y tế Bình Dương trong thời gian qua đồng thời thực hiện kế hoạch phát triển của Tỉnh Bình Dương nói chung và của công ty Becamex nói riêng về ngành Dược trong giai đoạn 2011. Chúng ta cần lựa hình thức đầu tư theo chiều sâu :Xây dựng phân xưởng sản xuất viên nang mềm đạt tiêu chuẩn GMP – WHO với trình độ kỹ thuật hiện đại của ngành Dược phẩm trên toàn thế giới .Trên nền tảng đó nhận sản xuất các sản phẩm nhượng quyền , từng bước nâng tỷ trọng thuốc sản xuất trong nước và thay thế thuốc ngoại nhập, đồng thời thực hiện sản xuất các mặt hàng trước đây và hiện nay vẫn mua lại của doanh nghiệp khác do nhà máy chưa có phân xưởng sản xuất viên nang mềm ,điều này sẽ thay đổi trong cơ cấu doanh thu,tạo cơ sở ổn định cho việc phát triển thị trường của công ty CP Dược BECAMEX

c) Hình thức đầu tư : Xây mới trong khuôn viên nhà máy Dược BECAMEX

III.1.2. Lựa chọn thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Thị trường sản phẩm đa số các nhà thuốc , bệnh viện , y tế các cơ quan , các cơ sở y tế , bảo hiểm y tế ... trong Tỉnh Bình Dương và các Tỉnh lân cận :Long An , Đồng Nai , Bình Phước , An Giang Các trung tâm bán sỉ thuốc Q10 , Q11 ở thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân xưởng mới còn khai thác sản xuất các sản phẩm thay thế thuốc nhập khẩu khi đã được cấp giấy chứng nhận GMP

- Ngoài ra còn tham gia đấu thầu các chương trình cung cấp thuốc quốc gia cho các bệnh viện,cơ sở điều trị của nhà nước và cung cấp thuốc cho các tổ chức viện trợ y tế thế giới.

III.2.LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN SẢN PHẨM

Phương án sản phẩm:

Stt	LOẠI SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ	SẢN LƯỢNG TRUNG BÌNH(sp/năm)	GHI CHÚ
1	Dầu cá ,vitamin D	Viên	70.000.000 viên	
2	Thực phẩm chức năng			
3	Poly vitamin			
4	Hotamin ginseng			
5	Levocetirizin			
6	Vitamin E			
7	Thuốc ho			
8và nhiều loại thuốc khác			

Sản xuất nhượng quyền và việc sản xuất các mặt hàng thay thế nhập khẩu và các sản phẩm khác:Do nhu cầu dùng thuốc của người dân vẫn còn phải sử dụng một số thuốc chuyên khoa ngoại nhập,hơn nữa phía nước ngoài đều mong muốn tìm đối tác Việt Nam để liên doanh hoặc sản xuất nhượng quyền bán tại Việt Nam và các nước vùng Đông Nam Á.

Những mặt hàng có tính chất kỹ thuật cao thị trường đang khan hiếm,hiện nay thường phải thông qua nhập khẩu,nếu biết khai thác phần này khi nhà máy đã đạt tiêu chuẩn GMP và có đủ

tiêu chuẩn để khai thác các sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu thông qua sản xuất nhượng quyền nhằm mục đích khai thác tối đa công suất nhà máy.

III.3. VẤN ĐỀ NGUYÊN PHỤ LIỆU

Trước mắt do dự án hướng tới việc sản xuất thuốc hóa dược nhượng quyền nên nguồn nguyên liệu chính sẽ được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài

Phần phụ liệu bao bì (nhựa , thủy tinh ,giấy ,nhôm ...)sẽ được cung cấp bởi các công ty trong nước

Với sự phát triển và hiện đại hóa của ngành bao bì trong nước , cùng với sự thông thoáng của việc trao đổi thông tin – thương mại trong nước và quốc tế hiện nay , vấn đề nguyên phụ liệu cho dự án không còn là trở ngại đáng kể.

III.4.VẤN ĐỀ NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là một trong những vấn đề trọng yếu của dự án.Đối với nhà máy GMP thì nhân sự phải có trình độ và được huấn luyện phù hợp.Vấn đề này sẽ được giải quyết như sau:

- Nhân sự hiện đang có tại công ty dược BECAMEX
- Tuyển dụng bổ sung nhân sự phù hợp
- Tổ chức huấn luyện nhân sự về GMP , GSP , GLP

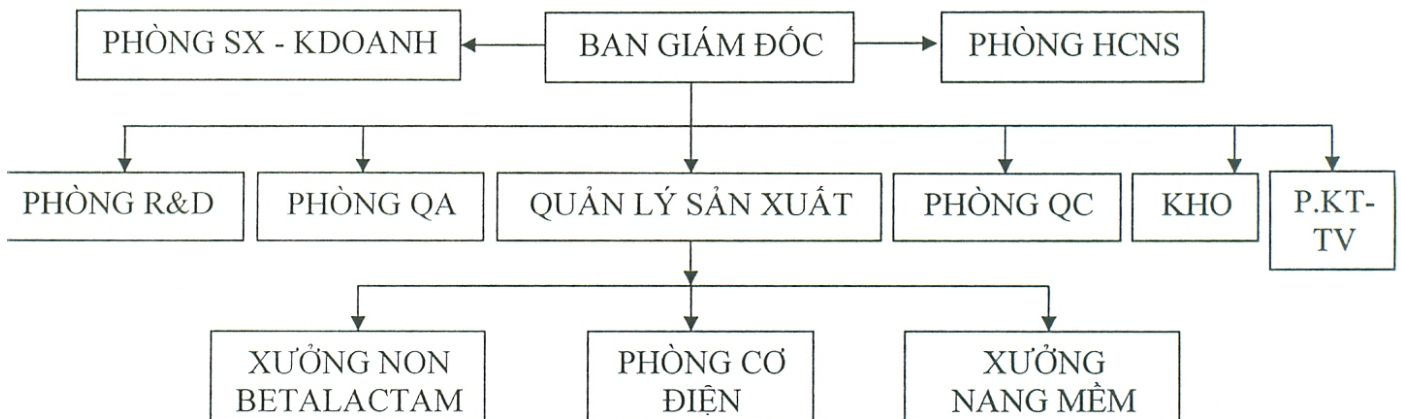
Nhu cầu nhân lực

Stt	CHỨC DANH	SL	TRÌNH ĐỘ	CHUYÊN MÔN	YÊU CẦU KHÁC
1	Quản đốc	1	Dược sĩ đại học	Có chứng chỉ GMP	Có kinh nghiệm QL
2	Phó quản đốc	1	Dược sĩ đại học	Có chứng chỉ GMP	Có kinh nghiệm QL
3	Pha chế	4	Dược sĩ trung học	Có chứng chỉ GMP	Có kinh nghiệm SX
4	Nhân viên	10	Công nhân	Có chứng chỉ GMP	Có kinh nghiệm SX

III.5. ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ:

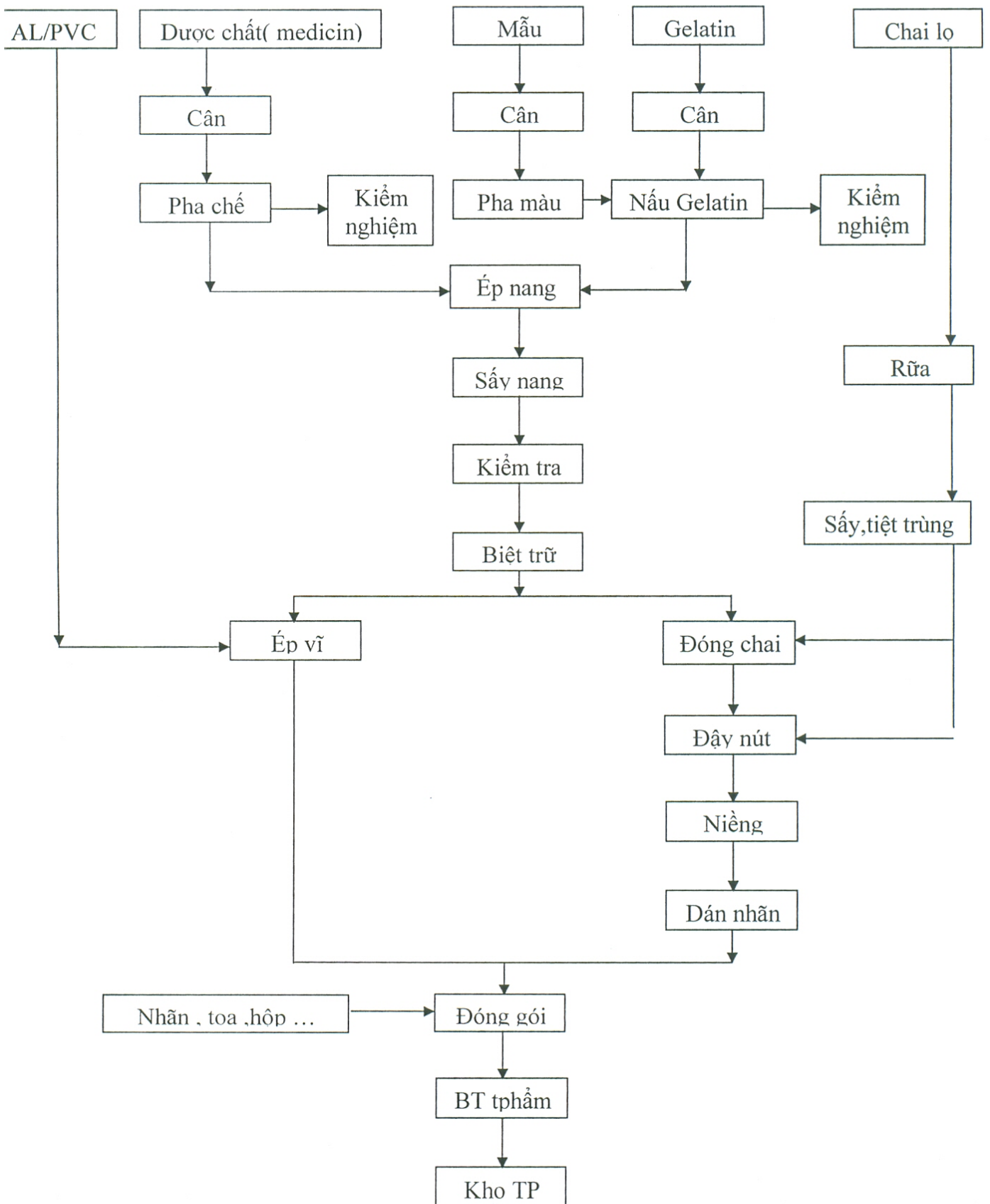
Trong khuôn viên công ty CP Dược BECAMEX
Đường NA6 KCN Mỹ Phước II , Huyện Bến Cát , Tỉnh Bình Dương

III.6.SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÀ MÁY



PHẦN IV:
**PHÂN TÍCH LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ , THIẾT BỊ &
PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG**

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ



IV.5 PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG

IV.5.1.Thuyết minh thiết kế sơ bộ

IV.5.1.1 Quy hoạch bố trí mặt bằng phân xưởng sản xuất viên nang mềm

Diện tích phân xưởng : 200 m²

IV.5.1.2 Mô tả sơ lược phần kiến trúc-kết cấu các hạng mục chính:

Công trình được xây dựng trên nền đất 14 m x 15 m ,kết cấu bê tông cốt thép lưới cột 6mx6m,mái khung thép lợp tôn,chiều cao thông thủy tầng sản xuất 2,8 m , tầng kỹ thuật 2,9 m , tường bao che dày 200 , các vách ngăn bên trong dày 50 và bằng panel .sàn kỹ thuật đổ BTCT ,hoặc panel.

Tầng trệt bố trí các phòng sản xuất , cửa đi , cửa sổ khung nhôm lắp kính trắng dày 5 mm.

+ Tầng kỹ thuật bố trí:

- Thiết bị và hệ thống đường ống của HVAC
- Các thiết bị phụ trợ
- Đường dây hệ thống điện công nghệ và chiếu sáng
- Đường ống của hệ thống cấp nước (sinh hoạt và RO)

+ Chiều cao:

- Tầng trệt : chiều cao thông thủy :2,8 m
- Tầng kỹ thuật : - Chiều cao từ mặt sàn đến đỉnh mái :6,5 m
- Chiều cao thông thủy :2,9 m

IV.5.2 Bố trí mặt bằng xưởng và kho:

Stt	PHÒNG CHỨC NĂNG	KÍCH THƯỚC		DIỆN TÍCH (m ²)
		DÀI (mm)	RỘNG (mm)	
1	Phòng pha chế Medicin	4800	3700	17,76
2	Phòng rửa dụng cụ	3700	3550	13,15
3	Phòng dụng cụ sạch	2900	1900	5,5
4	Phòng pha chế Gelatin	5500	4500	24,75
5	Phòng ép nang	8000	5000	40
6	Phòng sấy nang	5250	5000	26,25
7	Phòng lau nang	6650	3400	22,6
8	Air lock	2000	2000	4
9	Hành lang	16000	2000	32

IV.6 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG

1) Các nguồn gây ô nhiễm

a) Ô nhiễm không khí

*** Nguồn phát sinh:**

Nguồn gốc gây ô nhiễm không khí do hoạt động của công ty bao gồm:

-Tiếng ồn và rung động do hoạt động của các phương tiện , máy móc , thiết bị phục vụ quá trình sản xuất

- Ô nhiễm bụi ở các quá trình xay,sấy nguyên liệu , khí thải của phòng kiểm nghiệm...

*** Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải**

-Khí thải từ quá trình sản xuất

Quá trình sản xuất đã được xử lý hoàn toàn ngay trên sàn kỹ thuật bằng các thiết bị AHU (bộ xử lý không khí) , bộ xử lý lọc gió tươi , ...trước khi thải vào môi trường đã qua các thiết bị xử lý bụi và các túi lọc có kích thước nhỏ 10µm ,

-Tiếng ồn ,độ rung và ô nhiễm nhiệt

+ Ô nhiễm tiếng ồn trong khu sản xuất :

Hoạt động của xưởng chủ yếu sử dụng các thao tác bằng tay .Một số thao tác khác phải sử dụng máy móc,thiết bị sử dụng nguồn điện như máy ép nang , nồi nấu gelatin , máy sấy ...,có phát sinh tiếng ồn nhưng tất cả các thiết bị đặt trong phòng sản xuất được cách âm và có tiếng ồn không đáng kể.

+ Ô nhiễm nhiệt:

Dựa vào tính chất hoạt động của các máy móc thiết bị được sử dụng tại nhà xưởng cho thấy :nhiệt phát sinh ở phòng nấu gelatin ở mức độ không đáng kể và có tính phân tán.toàn bộ khu vực sản xuất đã được điều hòa không khí trung tâm điều hòa và xử lý khí.

* Nồng độ các chất ô nhiễm

Thành phần ô nhiễm không khí của quá trình sản xuất là không đáng kể vì quá trình sản xuất sử dụng nguyên liệu dạng thành phẩm đã qua chế biến,do đó quá trình phát sinh chất thải khí là rất thấp , chủ yếu là dạng hạt bụi.

b) nước thải

* Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn gốc gây ô nhiễm trong quá trình sản xuất bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải sản xuất:Quá trình sản xuất của nhà máy thải ra 1 lượng nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đối cao.

+ Tổng lượng nước thải của phân xưởng khi làm việc ổn định vào khoảng 10 m³ ngày

* Lưu lượng nước thải

Nước thải sản xuất sinh ra từ các quá trình như:vệ sinh thiết bị , dụng cụ , nhà xưởng.Toàn bộ nước thải sản xuất trong phân xưởng nang mềm được tách dòng riêng với nước sinh hoạt , và được kết nối với nước phân xưởng non Betalactam trước khi đưa về khu xử lý nước thải chung của nhà máy

c) Chất thải rắn

*Nguồn phát sinh chất thải rắn

-Chất thải rắn sản xuất không nguy hại:chủ yếu là nguyên liệu thừa bị cắt bỏ trong quá trình sản xuất ,chất thải từ hầm tự hoại , bùn hoạt tính loại bỏ trong quá trình xử lý nước thải,các loại bao bì đựng nguyên liệu và sản phẩm đã hết giá trị sử dụng...

-Chất thải rắn sản xuất nguy hại :Bao gồm các loại hoá chất dược liệu , lọc ,bao bì , dụng cụ có dính hoá chất như chai lọ ,bao bì đựng hoá chất bị loại , các sản phẩm nuôi cấy vi sinh , các mẫu thuốc các loại hoá chất rắn và các loại phân xưởng phế phẩm trong quá trình sản xuất .

-Chất thải rắn sinh hoạt:chủ yếu là các bao bì ,túi ny lon,thực phẩm thừa...phát sinh trong quá trình sinh hoạt hằng ngày của công nhân viên làm việc tại phân xưởng

2) Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm.

a) Khống chế và giảm thiểu ô nhiễm không khí

Nguồn gốc gây ô nhiễm	Các biện pháp khống chế ô nhiễm áp dụng
Tiếng ồn,độ rung,nhiệt dư từ các máy móc,tiết bị	- Lắp đệm cao su hoặc lò xo chống rung,xây móng bê tông vững chắc và cách ly bằng rãnh cát - Trang bị nút chống ồn cho công nhân tại KV gây ồn - Xây tường chống ồn ,cách ly các thiết bị gây ồn - Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí và xử lý trng tâm
Mùi ,bụi từ các giai đoạn pha	- Xử lý bụi sản xuất bằng thiết bị cyclon và túi lọc vải ở

ché ở khu vực sản xuất	một số phòng sản xuất thuốc viên - Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí và xử lý không khí trung tâm
Xử lý khí và mùi ở khu vực phòng thí nghiệm	- Lắp đặt tủ hút tại phòng thí nghiệm, thiết bị hấp thụ bằng than hoạt tính đặt ở trên tầng lầu

b) Khống chế và giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

- Công nghệ xử lý nước thải là kết hợp giữa cơ học và hoá học, nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của công ty sau xử lý đạt tiêu chuẩn của khu công nghiệp Mỹ Phước 2

c) Khống chế và giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

- Lượng rác thải sinh hoạt của nhân viên tại công ty và tại nhà máy sản xuất không nguy hại sẽ được công ty thuê công ty dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị khu công nghiệp thu gom và đưa về xử lý tại bãi rác khu vực

- Chất thải từ quá trình xử lý là bùn cặn từ bể tự hoại, bể lắng ... định kỳ thuê công ty dịch vụ hút và mang đi xử lý

PHẦN V:
KHÁI TOÁN CHI PHÍ CHO DỰ ÁN

V.1.KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG.

Stt	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Xưởng sản xuất nang mềm	m ²	200 m ² (nền)	6,500,000	1,300,000,000
2	Hệ thống lạnh	Hệ	1	1,600,000,000	1,600,000,000
3	Trạm biến áp	Trạm	1	700,000,000	700,000,000
4	Hệ thống khí nén	Hệ	1	600,000,000	600,000,000
5	Hệ thống điện cấp cho xưởng nang mềm	Hệ	1	500,000,000	500,000,000
6	Tổng cộng				4,700,000,000

V.2.DANH MỤC THIẾT BỊ ĐẦU TƯ

Stt	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
A	Thiết bị sản xuất				
1	Máy chính/model	1	185.000 USD/ BCM-GB6	185,000 USD	
2	Bồn nấu Gelatin	2	48.000 USD	48,000 USD	
3	Thùng chứa Gelatin(4 bồn)	4	23.200 USD (250 lít)	23,200 USD	
4	Thùng chứa medicin(4 bồn)	4	20.000 USD (300 lít)	20,000 USD	
5	Máy xay keo	1	20.000 USD	20,000 USD	
6	Bơm chân không và rây rung	1	9.800 USD	9,800 USD	
7	Khăn lau (200 cái)	200	✓		
8	Khay đựng nang(1000 cái)	1000	28.000 USD Inox 304	28,000 USD	
9	Gia công 1 bộ khuôn ép nang		5.800 USD	5,800 USD	
10	Tổng			339,800 USD	7,300,000,000
B	Thiết bị phục vụ sản xuất				
1	Cân điện tử (3 số lẻ)	2	17.000.000	34.000.000	
2	Cân nguyên liệu	1	36.000.000	36.000.000	
4	Air lock	1	50.000.000	50.000.000	
5	Passbox , xe đẩy , bàn	1	50.000.000	50.000.000	
6	Thiết bị dụng cụ khác	1	30.000.000	30.000.000	
7	Tổng cộng			200,000,000	

V3.TỔNG HỢP VỐN XÂY LẬP VÀ THIẾT BỊ

Stt	Tên hạng mục	Giá trị trước thuế	Giá trị sau thuế đã làm tròn	Ghi chú
1	Xây dựng nhà xưởng	4,700,000,000	4,935,000,000	5%
2	Thiết bị sản xuất	7,300,000,000	7,665,000,000	
3	Các thiết bị hỗ trợ khác	200,000,000	210,000,000	
	Tổng cộng	12,200,000,000	12,810,000,000	

V4.CHI PHÍ KHÁC

Stt	Các chi phí	Cách tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí dự phòng	(Vốn xây lắp + thiết bị) x 10%	1,220,000,000	

V5.TỔNG VỐN ĐẦU TƯ

Như vậy tổng số tiền cần phải đầu tư là (khái toán) **13,420,000,000 đồng**

V6.HIỆU QUA KINH TẾ

+ Năng xuất làm việc của máy trong 1 ngày :

Tên máy	Năng suất/ngày(7giờ)	Năng suất /tuần	Năng suất/tháng(4tuần)
Máy ép nang mềm	500,000 viên	2,000,000 viên (4 ngày)	8,000,000 viên

Giá vốn , giá bán , lợi nhuận:

Stt	Chủng loại thuốc	Giá bán/viên	Giá vốn/viên	Lợi nhuận/viên
1	Dầu cá ,vitamin D	250 đồng	210 đồng	40 đồng
2	Thực phẩm chức năng	1,500 đồng	1,100 đồng	400 đồng
3	Poly vitamin	600 đồng	400 đồng	200 đồng
4	Hotamin ginseng	1,200 đồng	900 đồng	300 đồng
5	Levocetirizin	3,500 đồng	3,200 đồng	300 đồng
6	Vitamin E	700 đồng	500 đồng	200 đồng
7	Thuốc ho	300 đồng	150 đồng	150 đồng
8	Gia công	80 đồng	80 đồng	80 đồng

+ Lợi nhuận bình quân / tháng::

Stt	Chủng loại thuốc	Sản lượng tiêu thụ/tháng	Lợi nhuận/viên	Tổng lợi nhuận/tháng
1	Dầu cá ,vitamin D	500,000	40 đồng	20,000,000 đồng
2	Thực phẩm chức năng	300,000	400 đồng	120,000,000 đồng
3	Poly vitamin	400,000	200 đồng	80,000,000 đồng
4	Hotamin ginseng	500,000	300 đồng	150,000,000 đồng
5	Levocetirizin	500,000	300 đồng	150,000,000 đồng
6	Vitamin E	300,000	200 đồng	60,000,000 đồng
7	Thuốc ho	500,000	150 đồng	75,000,000 đồng
8	Gia công	2,000,000	80 đồng	160,000,000 đồng
		5,000,000		815,000,000 đồng

+ Tổng lợi nhuận trong một năm là: **9,780,000,000 đồng**
 + Thuế thu nhập doanh nghiệp 25% : **2,445,000,000 đồng**
 + Lợi nhuận ròng : **7,335,000,000 đồng**
 + Thời gian hoàn vốn:

Stt	Tổng vốn đầu tư	Lợi nhuận ròng / năm	Thời gian hoàn vốn	Thời điểm bắt đầu có lợi nhuận
1	13,420,000,000 đồng	7,335,000,000 đồng	18 tháng	Sau 18 tháng kể từ ngày bắt đầu sản xuất

+ Như vậy với số vốn đầu tư 13,420,000,000 đồng (13,42 tỷ VNĐ) thì sau 18 tháng kể từ ngày bắt đầu sản xuất sẽ có lợi nhuận.

Bình Dương, ngày 10 tháng 12 năm 2010
 Tổng giám đốc



Phạm Thị Khanh